PHÒNG GD&ĐT CƯ KUIN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TRƯỜNG TH KPĂ KLƠNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02 /THKP-CM *EaTiêu, ngày 03 tháng 10 năm 2022*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 – 2023**

 **I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

Thực hiện Quyết định số 2159/QĐ-BGDĐT ngày 05/8/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ GD&ĐT về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023; trên cơ sở Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023.

 Thực hiện Công văn số 220 /PGDĐT ngày 22/9 /2022 của Phòng GD&ĐT Cư Kuin về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022 -2023,

Thực hiện kế hoạch số 01 /PHNV-KPKL ngày 01 tháng 10 năm 2022 của trường TH Kpă Klơng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023,

 Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2022- 2023 như sau:

**II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2022-2023:**

1. **Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương:**

 Trường thuộc địa bàn xã EaTiêulà một xã thuần nông của huyện Cư Kuin, cách trung tâm huyện 9 km về phía Nam và cách TP Buôn Ma Thuột 15 km về phía Bắc. Kinh tế có các cây công nghiệp cà phê, hồ tiêu. Nông nghiệp cây lúa nước chiếm phần lớn diện tích, các loại họ ngô đậu được trồng xen kẽ. Dân cư chủ yếu là người dân tộc Ê đê. Do tác động của thiên tai, dịch bệnh nên hầu hết bố mẹ của các con, em người đồng bào đi làm ăn kinh tế xa nhà, không có điều kiện thời gian quan tâm đến việc học hành của con em mình. Hầu hết học sinh đồng bào chiếm đa số, các em nói Tiếng Việt chưa rõ. Trường có 4 điểm trường trong đó có buôn Knir thuộc vùng đặc biệt khó khăn của xã EaTiêu.

1. **Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022 – 2023**
	1. .Đặc điểm học sinh của trường:

Năm học 2022-2023 trường có 17 lớp với tổng số học sinh toàn trường là 394 em

Trong đó: Nữ: 192 em Dân tộc: 369 em Nữ dân tộc: 184 em

Tỉ lệ học sinh trên lớp: 21em / lớp

Số lớp học hai buổi/ ngày gồm 9 lớp. Còn lại 8 lớp học 6,7 buổi/ tuần

Cụ thể sĩ số học sinh các khối năm học 2022 – 2023 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối lớp  | Số lớp | Số học sinh | Nữ | Dân tộc | Nữ dân tộc | Lưu ban | Hộ nghèo | Cận nghèo | Tuyển mới |
| 1 | 3 | 80 | 43 | 80 | 43 | 5 | 7 | 14 | 75 |
| 2 | 3 | 66 | 30 | 65 | 29 | 2 | 8 | 11 | 0 |
| 3 | 3 | 75 | 41 | 74 | 41 | 0 | 6 | 18 | 0 |
| 4 | 4 | 72 | 29 | 60 | 24 | 0 | 5 | 16 | 0 |
| 5 | 4 | 101 | 49 | 90 | 47 | 0 | 5 | 16 | 0 |
| **Tổng**  |  **17** | **394** | **192** | **369** | **184** | **7** | **31** | **75** | **75** |

**2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý**

- Tổng số CBQL, GV, NV: 36

- Cán bộ quản lí: 02. Nữ : **02 (** Đại học : **02**)

- GV TPT Đội: 01

 - Giáo viên: **26** – Nữ : **22** – Dân tộc **: 03** (nữ **01**). Trình độ đạt chuẩn: **9,** còn lại không đạt chuẩn ( Trong đó giáo viên hợp đồng : **04** gồm 02 GV Tiểu học, 01 GV tiếng Anh. 01 GV Tin học) GV biết Tiếng Ê- đê: là 6 GV

- Giáo viên đứng lớp: 26/17, tỉ lệ GV 1,53 GV/ lớp, bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| GV dạy văn hóa | GV Âm nhạc |  GV Mĩ thuật | GV GDTC | GV Tiếng Anh | GVTin học | GV dạy Tiếng Ê đê |
| 18 | 2 | 1 | 2 | 2 | 1 | 0 |

+ Số lượng nhân viên: 05, bao gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhân viên kế toán | Nhân viên văn thư | Nhân viên TV, thiết bị | Nhân viên y tế |
| 1 | 1 | 2 | 1 |

**2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú**

 - Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành, Chi bộ và Đảng bộ xã Ea Tiêu, UBND xã, Hội đồng Giáo dục xã; Sự phối kết hợp tốt của Ban tự quản các thôn buôn, các đoàn thể và ban đại diện CMHS; sự chia sẻ, hỗ trợ của đoàn thể các cấp, các nhà hảo tâm đã tạo mọi điều kiện cơ bản thuận lợi cho việc phát triển sự nghiệp giáo dục tại địa phương.

- Trường có phòng Tin học có 20 máy tính đảm bảo cho 2 học sinh/máy, hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy.

- Cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, phục vụ những nhu cầu tối thiểu của việc dạy học 5 buổi/tuần.

**Khó khăn về cơ sở vật chất:**

- Cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng được hoạt động dạy - học 2 buổi/ ngày 100%: trường còn thiếu 01 phòng học (16 phòng/17 lớp); chưa có phòng Âm nhạc và Mĩ thuật, phòng Thư viện, Thiết bị , Y tế. Chưa có nhà đa năng, một số phòng học chưa có các thiết bị hiện đại như tivi, máy chiếu.

Trường có 4 điểm trường trong đó buôn Knir là buôn đặc biệt khó khăn, địa bàn rộng khó khăn trong việc quản lý, bảo quản cơ sở vật chất trường học.

**III. Mục tiêu giáo dục năm học 2022-2023*.***

1. **Mục tiêu chung:**

- Nhà trường tập trung xây dựng và triển khai nhiệm vụ năm học 2022- 2023 chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện của trường, thích ứng với tình hình thiên tai, dịch bệnh, không bị động lúng túng và đảm bảo các điều kiện để hoàn thành kế hoạch năm học.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, 2, 3 và Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 4, 5, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế học đường, bảo đảm an toàn trường học, tai nạn thương tích, đuối nước.

- Đảm bảo cơ sở vật chất thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

`- Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học, khai thác, sử dụng SGK, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

1. **Mục tiêu cụ thể:**

Xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình tại địa phương. Năm học thứ ba triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) đối với lớp 1, 2 và 3; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, 2 và 3 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 4 từ năm học 2023-2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 4 đến lớp 5.

 Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 3 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 3 cho năm học 2022-2023.

 Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương.

1. **Chỉ tiêu cụ thể:**

Phấn đấu năm học 2022-2023, trường tiểu học Kpă Klơng đạt các mục tiêu sau:

- Khối 1, khối 2, khối 3 được học hai buổi/ngày, 9 buổi/tuần. 100% học sinh các khối 4,5 được học 6,7 buổi/ tuần, học môn tự chọn Tin học, Tiếng Anh,

- 100% học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung : tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất;

- 100% học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 được hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- 95% học sinh lớp 1, 2, 3,4 hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

 - 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

 - Phấn đấu 45 % học sinh được khen thưởng cấp trường.

- Phấn đấu 5-6 em tham gia hùng biện Tiếng Anh , Trạng Nguyên Tiếng Việt.

 - Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

- Huy động trẻ 6 tuổi ( sinh năm 2016) vào lớp 1: 100%

**Phấn đấu kết thúc năm học các môn học và hoạt động giáo dục các khối như sau :**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối**  | **TSHS** | **Toán** | **T.Việt** | **TNXH** | **Đạo đức** | **GDTC** |
| HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT | HTT | HT | CHT |
| **1** | 80 | 17 | 56 | 7 | 17 | 56 | 7 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 |
| **2** | 66 | 14 | 48 | 4 | 12 | 50 | 4 | 14 | 52 | 0 | 15 | 51 | 0 | 14 | 52 | 0 |
| **3** | **75** | 8 | 64 | 3 | 8 | 64 | 3 | 20 | 55 | 0 | 25 | 50 | 0 | 21 | 54 | 0 |
| **Tổng** | **221** | **39** | **168** | **14** | **37** | **170** | **14** | **51** | **170** | **0** | **57** | **164** | **0** | **52** | **169** | **0** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TSHS** | **HĐTN** | **Âm nhạc** | **Mĩ thuật** | **Tiếng Anh** | **Tin học và CN** |
| **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** |
| **1** | **80** | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 20 | 60 | 0 |  |  |  |
| **2** | **66** | 14 | 52 | 0 | 14 | 52 | 0 | 14 | 52 | 0 | 16 | 50 | 0 |  |  |  |
| **3** | **75** | 21 | 54 | 0 | 14 | 61 | 0 | 15 | 60 | 0 | 14 | 61 | 0 | 15 | 60 | 0 |
| **Tổng** | **221** | **52** | **169** | **0** | **45** | **176** | **0** | **46** | **175** | **0** | **50** | **171** | **0** | **15** | **60** | **0** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TSHS** | **Toán** | **T.Việt** | **Lịch sử và địa lí** |
| **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** |
| Khối 4 | **72** | 9 | 62 | 1 | 8 | 63 | 1 | 9 | 63 | 0 |
| Khối 5 | **101** | 19 | 82 | 0 | 13 | 88 | 0 | 27 | 74 | 0 |
|  **Tổng** | **173** | **28** | **144** | **1** | **21** | **151** | **1** | **36** | **137** | **0** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TSHS** | **Khoa học** | **Tiếng Anh** | **Tin học** |
| **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** | **HTT** | **HT** | **CHT** |
| **Khối 4** | **72** | 9 | 63 | 0 | 13 | 59 | 0 | 11 | 47 | 0 |
| **Khối 5** | **101** | 31 | 70 | 0 | 20 | 81 | 0 | 31 | 43 | 0 |
|  **Tổng** | **173** | **40** | **133** | **0** | **33** | **140** | **0** | **42** | **90** | **0** |

**\*Các môn học khác đối với lớp 4, 5.**

 Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật, Đạo đức, Kĩ thuật, :

 Hoàn thành tốt: 20-25%

 Hoàn thành: 70- 75 %

Chưa hoàn thành: 4-5 %

Tổng hợp đánh giá kết quả khen thưởng cuối năm học khối

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHỐI** | **TSHS** | **Các mức đạt** |
| HTXS | HTT | HT | CHT |
| 1 | 80 | 5 | 12 | 56 | 7 |
| 2 | 66 | 7 | 11 | 45 | 4 |
| 3 | **75** | 8 | 10 | 53 | 3 |
| Tổng | **221** | **20** | **33** | **154** | **14** |

**Đánh giá về phẩm chất cuối năm khối 1, 2 ,3**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | TSHS | **Yêu nước** | **Nhân ái** | **Chăm chỉ**  | **Trung thực**  | **Trách nhiệm** |
| T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG |
| 1 | 80 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 56 | 7 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | **0** |
| 2 | 66 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 |
| 3 | 75 | 60 | 15 | 0 | 60 | 15 | 0 | 22 | 50 | 3 | 60 | 15 | 0 | 40 | 32 | 3 |
| Tổng | **221** | **95** | **126** | **0** | **95** | **126** | **0** | **57** | **154** | **10** | **95** | **126** | **0** | **75** | **143** | **3** |

**Phấn đấu kết thúc năm học đánh giá về năng lực khối 1, 2 ,3**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | TSHS | Tự chủ và tự học | Giao tiếp và hợp tác | Giải quyết VĐ và sáng tạo | Ngôn ngữ | Tính toán |
| T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG |
| 1 | 80 | 17 | 56 | 7 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 56 | 7 |
| 2 | 66 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 | 18 | 48 | 0 |
| 3 | 75 | 16 | 56 | 3 | 31 | 41 | 3 | 11 | 61 | 3 | 30 | 42 | 3 | 12 | 60 | 3 |
| Tổng | **221** | **51** | **160** | **10** | **66** | **152** | **3** | **46** | **172** | **3** | **65** | **153** | **3** | **47** | **164** | **10** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối  | TSHS | Khoa học | Công nghệ | Tin học | Thẩm mĩ | Thể chất |
| T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG | T | Đ | CCG |
| 1 | 80 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | 0 | 17 | 63 | **0** |
| 2 | 66 | 17 | 49 | 0 | 17 | 49 | 0 | 17 | 49 | 0 | 17 | 49 | 0 | 17 | 49 | 0 |
| 3 | **75** | **10** | **62** | **3** | **15** | **60** | **0** | **15** | **60** | **0** | **24** | **49** | **2** | **60** | **15** | **0** |
| Tổng | **221** | **44** | **174** | **3** | **49** | **172** | **0** | **49** | **172** | **0** | **58** | **161** | **2** | **94** | **127** | **0** |

**Đánh giá về năng lực khối 4, 5;**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TSHS** | **Tự phục vụ, tự quản** | **Hợp tác** | **Tự học, giải quyết vấn đề** |
| T | Đ | Ccg | T | Đ | Ccg | T | Đ | Ccg |
| Khối 4 | **72** | 9 | 63 | 0 | 9 | 63 | 0 | 9 | 62 | 1 |
| Khối 5 | **101** | 67 | 34 | 0 | 76 | 25 | 0 | 46 | 55 | 0 |
| Tổng | **173** | **76** | **97** | **0** | **85** | **88** | **0** | **55** | **117** | **1** |

**Đánh giá về phẩm chất**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **TSHS** | **Chăm học, chăm làm** | **Tự tin, trách nhiệm** | **Trungthực, kỉ luật** | **Đoàn kết, yêu thương** |
| T | Đ | Ccg | T | Đ | Ccg | T | Đ | Ccg | T | Đ | Ccg |
| Khối 4 | **72** | 9 | 63 | 0 | 9 | 63 | 0 | 9 | 63 | 0 | 9 | 63 | 0 |
| Khối 5 | **101** | 40 | 61 | 0 | 57 | 44 | 0 | 69 | 32 | 0 | 74 | 27 | 0 |
| Tổng | **173** | **49** | **124** | **0** | **66** | **107** | **0** | **78** | **95** | **0** | **83** | **90** | **0** |

**IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

1. **Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1** | **Số tiết lớp 2** | **Số tiết lớp 3** | **Số tiết lớp 4** | **Số tiết lớp 5** |
| **Tổng** | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII | Tổng | HKI | HKII |
| **1. Môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc** |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| p4 | Tự nhiên và XH | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | GDTC-TD | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 6 | Nghệ thuật (ÂN, MT) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | HĐTN | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tin học và CN |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 9 | T Anh |  |  |  |  |  |  | 140 | 72 | 68 |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Kĩ thuật  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 11 | Lịch sử Địa Lí |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 12 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 13 | HĐTT |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| **2. Môn học tự chọn** |
| 14 | Tiếng Anh (Tự chọn) |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 15 | Tin học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường** |
| 16 | Tăng cường Tiếng Việt | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 17 | Tăng cường Toán | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 18 | Chúng em nói TV | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | Tăng cường giáo dục KNS |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| **Tổng** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **576** | **544** | **1015** | **522** | **493** | **1015** | **522** | **493** |

### Khối 1, 2, 3 : Tổng số 1120 tiết/ 35 tuần = 32 tiết/ 9 buổi

**Khối 4, 5: Tổng số 1015 tiết/ 35 tuần = 29 tiết /6 buổi**

### Các hoạt động giáo dục tập thể theo nhu cầu người học.

* 1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | Chủ điểm | Nội dung trọng tâm | Hình thức tổ chức | Thời gian thực hiện | Người thực hiện | Lực lượng cùng tham gia |
| Tháng 9 | Mùa thu ngày khai trường | Sinh hoạt Tết Trung thu dưới cờ | Tập trung | Từ 5/9 - 10/9 | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 10 | Chăm ngoan, học tốt  | Đọc thơ, kể chuyện. Tuyên truyền An toàn giao thông. | Theo các điểm trường |  | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 11 | Biết ơn thầy cô giáo |  Văn nghệ Chào mừng ngày 20/11. Làm thiệp chúc mừng thầy,cô. | Tập trung | Từ 15/11-19/11 | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 12 | "Em yêu chú bộ đội"Uống nước nhớ nguồn | Tổ chức thăm hỏi các gia đình TB, LSthôn, buôn. Tuyên truyền xâm hại trẻ em. | Thăm hỏigia đình có công. Ngày hội đọc sách | Từ 15/12-18/12 | Học sinh | Liên đội |
| Tháng 01 | Mừng Đảng mừng xuân | Hội Tết ở Buôn em. Hướng dẫn phòng chống cháy nổ. | Tập trung | Từ 15/01-19/01 | Học sinh | Khối 3,4,5 |
| Tháng 02 | Biết ơn Đảng, mừng xuân | Tìm hiểu về Đảng và Bác | Các điểm trường | Từ 15/02-19/02 | Học sinh | Khối 1,2,3,4,5 |
| Tháng 03 | Yêu quí mẹ và cô giáo | Biểu diễn thời trang, văn nghệ. Tuyên truyền phòng chống đuối nước, bạo lực học đường. | Các điểm trường | Từ 12/03-18/03 | Học sinh | Khối 3,4,5 |
| Tháng 04 | Mừng đất nước nở hoa | Giao lưu Tiếng Việt | Các điểm trường | Từ 10/4-15/04 | Các khối PHT,TPT,GV- HS | Khối 3,4,5 |
| Tháng 05 | Kính yêu, nhớ ơn Bác Hồ  | Kể chuyện Bác Hồ  | Tập trung | Từ 10/4-15/04 | các khối PHT,TPT,GV | Khối 1,2,3,4,5 |

1. **Tổ chức kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường:**

Điểm Buôn Ê ga, buôn Knir, thôn7, buôn Kram đều có các khối lớp học từ khối 1 đến khối 5 (Trừ thôn 7 chỉ có lớp 4,5 đang theo học ) đều thực hiện chung kế hoạch dạy học toàn khối đã họp thống nhất.

4. **Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 1834 /QĐ-UBND ngày 16 / 8 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk về Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với GD phổ thông và GD thường xuyên, cụ thể đối với GD tiểu học:

- Ngày tựu trường: ngày 29/8/2022. Riêng đối với lớp 1, tựu trường ngày 22 tháng 8 năm 2022.

 - Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022.

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2022 đến trước ngày 07/01/2023 (gồm 18 tuần thực học)

 - Học kỳ II: Từ ngày 9/01/2023 đến trước ngày 20/5/2023 (gồm 17 tuần thực học).

- Ngày kết thúc năm học năm học: Trước ngày 31/5/2023.

- Xét công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 30 tháng 6 năm 2023

Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

Tại trường Tiểu học Kpă Klơng thời gian thực hiện chương trình năm học 2022 – 2023 cụ thể như sau:

**Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần, tháng.**

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở các khối lớp 1, khối lớp 2 và khối lớp 3, mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết khoảng 38-40 phút, mỗi tuần có 9 buổi, có 32 tiết/tuần. Các khối lớp 4,5 học 6,7 buổi / tuần.

Đảm bảo thực hiện đủ, đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

**4.1. Đối với khối lớp 1**

**a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.**

**Đối với khối lớp 1: Phân phối các môn học và hoạt động giáo dục 1 tuần học = 32 tiết / 9 buổi cụ thể:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Buổi | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |
| 1 |  **SÁNG** | HĐTN | Toán  | GDTC | Tiếng Việt | Toán  |
| Toán  | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Tiếng Việt |
| Tiếng Việt | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Mĩ thuật | Tiếng Việt |
| Tiếng Việt | Em nói TV | HĐTN | TNXH | HĐTN |
| **CHIỀU**  | TCTV | TCT | **Nghỉ học SHCM** | Tiếng Việt | T Anh |
| Đạo đức | TCTV | Tiếng Việt | T Anh |
| TCT | TNXH | GDTC | Âm nhạc |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Nội dung** | **Số lượng tiết học** | **Chi chú** |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | Đã có kế hoạch dạy bù cho các ngày nghỉ lễ cụ thể ở kê hoạch khối |
| 2 | Toán | 105 |  |
| 3 | Đạo đức | 35 |  |
|  | Tự nhiên và xã hội | 70 |  |
| 4 | Giáo dục thể chất | 70 |  |
| 5 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | 70 |  |
| 6 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | Tổ chức linh hoạt theo từng điểm trường do địa hình các điểm trường nhiều |
| 7 | TCTV | 105 |  |
| 8 | TCT | 105 |  |
| 9 | Em nói TV | 35 |  |
| 10 | An toàn GT | 5 | Tích hợp, lồng ghép vào các môn học |
| 11 | Sinh hoạt chuyên môn | 2 lần / tháng |  |
| 12 | Các ngày nghỉ trong năm | Nghỉ lễ 10/3 âm lịch, ngày 30/4 và 1/5  | Nghỉ lễ và đã có kế hoạch dạy bù cụ thể  |
| 13 | Tổng số tiết kỳ I | 576 |  |
| 14 | Tổng số tiết kỳ II | 544 | 32 tiết/ tuần= 9 buổi |

**b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1:***Đã triển khai và chỉ đạo tất cả các GV trong khối xây dựng và hoàn thiện nhà trường đã duyệt đầy đủ kể hoạch dạy học các môn học của tổ trước khi thực hiện.*

**4.2. Đối với khối lớp 2: Phân phối các môn học và hoạt động giáo dục 1 tuần học = 32 tiết / 9 buổi cụ thể:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Buổi | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |
| 2 | **SÁNG** | HĐTN | GDTC | Toán | Tiếng Việt | Toán |
| Tiếng Việt | Mĩ thuật | T Anh | Tiếng Việt | GDTC |
| Tiếng Việt | Tiếng Việt | TN&XH | Toán | Tiếng Việt |
| TCTV | Tiếng Việt | TC Toán | TCTV | Tiếng Việt |
| **CHIỀU** | Toán | Âm nhạc | **Nghỉ học SHCM** | Tiếng Việt | Tiếng Việt |
| TC Toán | HĐTN | T Anh | TCTV |
| Đạo đức | HĐTN | TN&XH | Toán |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Nội dung** | **Số lượng tiết học** | **Chi chú** |
| 1 | Tiếng Việt | 350 | Đãcó kế hoạch dạy bù cho các ngày nghỉ lễ cụ thể ở kê hoạch khối |
| 2 | Toán | 175 |  |
| 3 | Đạo đức | 35 |  |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | 70 |  |
| 5 | Giáo dục thể chất | 70 |  |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | 70 |  |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | Tổ chức linh hoạt theo từng điểm trường do địa hình các điểm trường nhiều |
| 8 | TCTV | 105 |  |
| 9 | TCT | 105 |  |
| 10 | TCTV sách địa phương | 35 |  |
|  11 | An toàn giao thông | 5 | Tích hợp, lồng ghép vào các môn học |
| 12 | Sinh hoạt chuyên môn | 2lần/tháng |  |
| 13 | Các ngày nghỉ trong năm | 10/3 âm lịch, ngày 30/4 và 1/5 | Nghỉ lễ và đã có kế hoạch dạy bù cụ thể ở kế hoạch khối |
| 14 | Tổng số tiết kỳ I | 576 |  |
| 15 | Tổng số tiết kỳ II | 544 | 32 tiết/ tuần= 9 buổi |

**4.3 Đối với khối lớp 3: Phân phối các môn học và hoạt động giáo dục 1 tuần học = 32 tiết / 9 buổi cụ thể:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Buổi | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4  | Thứ 5 | Thứ 6 |
| 3 |  **SÁNG** | HĐTN | HĐTN | TV (đọc) | Tin học | TV (luyện tập) |
| TV (đọc) | TV (viết) | Toán | Mĩ thuật | Toán |
| TV (nói, nghe) | Toán | GDTC | T . Anh | TNXH |
| Toán | TCTV | TV (viết) | T . Anh | HĐTN |
| **CHIỀU**  | TNXH | GDTC | **Nghỉ học SHCM** | Toán | Đạo đức |
| Âm nhạc | T . Anh | TV (luyện tập) | TCT |
| TCTV | T . Anh | Công nghệ | TCTV |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Nội dung** | **Số lượng tiết học** | **Chi chú** |
| 1 | Tiếng Việt | 245 | Đã có kế hoạch dạy bù cho các ngày nghỉ lễ cụ thể ở kế hoạch khối |
| 2 | Toán | 175 |  |
| 3 | Đạo đức | 35 |  |
|  | Tự nhiên và xã hội | 70 |  |
| 4 | Giáo dục thể chất | 70 |  |
| 5 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | 70 |  |
| 6 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | Tổ chức linh hoạt theo từng điểm trường do địa hình các điểm trường nhiều |
| 7 | Tin học | 35 |  |
| 8 | Công nghệ | 35 |  |
| 9 | Tiếng Anh | 140 |  |
| 10 | TCTV | 105 |  |
| 11 | TCT | 105 |  |
| 12 | TCTV sách địa phương | 35 |  |
| 13 | An toàn GT |  | Tích hợp, lồng ghép vào các môn học |
| 14 | Sinh hoạt chuyên môn |  | 2 lần / tháng |
|  15 | Các ngày nghỉ trong năm | Nghỉ lễ 10/3 âm lịch, ngày 30/4 và 1/5 | Nghỉ lễ và đã có kế hoạch dạy bù cụ thể  |
| 16 | Tổng số tiết kỳ I | 576 |  |
| 17 | Tổng số tiết kỳ II | 544 | **32 tiết/ tuần= 9 buổi** |

**4.4. Đối với các lớp 4, 5: Phân phối các môn học và hoạt động giáo dục 1 tuần học = 29 tiết / 6 buổi cụ thể:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Số lượng tiết học | Chi chú |
| 1 | Tiếng Việt | 280 | Đã có kế hoạch dạy bù cho các ngày nghỉ lễ cụ thể ở kế hoạch khối |
| 2 | Toán | 175 |  |
| 3 | Khoa học | 70 |  |
| 4 | Lịch sử- Địa lí | 70 |  |
| 5 | Đạo đức | 35 |  |
| 6 | Kĩ thuật | 35 |  |
| 7 | Mĩ thuật | 35 |  |
| 8 | Âm nhạc | 35 |  |
| 9 | Thể dục | 70 |  |
| 10 | Môn học tự chọn (Tiếng Anh + tin học)  | 210 |  |
| 11 | Hoạt động tập thể | 35 | Tổ chức linh hoạt theo từng điểm trường do địa hình các điểm trường nhiều |
| 12 | Tâm lí học đường | 16 |  |
| `13 | Giáo dục kĩ năng sống | 28 |  |
| 14 | An toàn giao thông | 5 | Tích hợp, lồng ghép vào các môn học |
| 15 | Sinh hoạt chuyên môn | 18 | 2 lần / tháng |
| 16 | Các ngày nghỉ trong năm |  | Tết nguyên đán; giỗ tổ Hùng Vương; 30/4;1/5 |
| 17 | Tổng số tiết học kỳ I | 522 |  |
| 18 | Tổng số tiết học kỳ II | 493 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Buổi | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4  | Thứ 5 | Thứ 6 |
| 4 |  **SÁNG** | SHTT-TLHĐ | LT và câu | Tập đọc | LT và câu | Tập làm văn  |
| Tập đọc  | Toán | Toán | Toán | Toán |
| Toán | Chính tả | Tập làm văn | Khoa học | Lịch sử |
| Thể dục | Khoa học | Kĩ thuật | Kể chuyện | Địa lí |
| Âm nhạc | Đạo đức | Thể dục | Mĩ thuật | SHL-THKNS |
| **CHIỀU**  | Tin học |  |  |  |  |
| Tin học |  |  |  |  |
| Tiếng Anh |  |  |  |  |
| Tiếng Anh |  |  |  |  |

**4.5. Đối với các lớp 5: Phân phối các môn học và hoạt động giáo dục 1 tuần học = 29 tiết / 6 buổi cụ thể:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Buổi | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4  | Thứ 5 | Thứ 6 |
| 5 |  **SÁNG** | SHTT-TLHĐ | Chính tả  | Tập đọc | Lịch sử | Tập làm văn  |
| Tập đọc  | Toán | Toán | Toán | Toán |
| Toán | Luyện từ và câu | Tập làm văn | Địa lí | Mĩ thuật |
| Kể chuyện  | Khoa học | Kĩ thuật | Luyện từ và câu | Khoa học |
|  Đạo đức | Thể dục | Thể dục | Âm nhạc | SHL-THKNS |
| **CHIỀU**  |  |  |  |  | Tin học |
|  |  |  |  | Tin học |
|  |  |  |  | Tiếng Anh |
|  |  |  |  | Tiếng Anh |

**5. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá**

**5.1. Đổi mới phương pháp dạy học:**

Thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập. Từ đó giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực của mình.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học heo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn nhà trường dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận rút kinh nghiệm ở tổ.

+ Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, 2, 3 và Khoa học lớp 4, 5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy, tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh trong quá trình thực hành, thí nghiệm. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn.

+ Phụ trách chuyên môn hướng dẫn cho giáo viên Mỹ thuật chủ động sắp xếp bày dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại “Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học” từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chât cho học sinh; tham gia tích cực Sinh hoạt chuyên môn cụm trường.

**3.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống:**

Thực hiện dạy học gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS.

Thực hiện tốt công tác y tế trường học; quan tâm chăm sóc sức khỏe học sinh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về xây dựng Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; đảm bảo điều kiện vệ sinh tập luyện và tuyệt đối an toàn về tính mạng cho trẻ em, học sinh trong quá trình tập luyện; Nghị định 80/2017/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

Triển khai thực hiện dạy học Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk, lớp 1, 2 đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt, Lớp 1 tiếp tục thực hiện theo Công văn 67/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 18/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk - lớp 1. Các lớp 4, 5 tiếp tục thực hiện dạy học tài liệu địa phương theo Quyết định số 558/QĐ-SGDĐT ngày 08/8/2018 về việc Hướng dẫn dạy học tài liệu địa phương trong trường phổ thông.

Tập trung tối đa thời lượng để dạy tiếng Việt và tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng DTTS từ 2 tiết/tuần; tăng cường tiếng Việt theo tài liệu Đề án tăng cường tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4 đã được Bộ GD&ĐT thẩm định và phê duyệt; tổ chức các hoạt động đọc sách, giao lưu tiếng Việt, tham gia sân chơi “Trạng Nguyên Tiếng Việt” qua internet; tự làm và sử dụng tranh ảnh, đồ dùng dạy học, phần mềm, học liệu phục vụ dạy học tiếng Việt.

 Đối với lớp 1 và 2: Tiếp tục triển khai Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn.

 Đối với lớp 3: Tổ chức dạy Tiếng Anh, Tin học cho 100% học sinh lớp 3 từ năm học 2022-2023.

 Đối với lớp 4 và 5: Tiếp tục triển khai Chương trình tiếng Anh tự chọn theo Chương trình GDPT 2006.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác các tư liệu, tranh ảnh… vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

Phát triển văn hóa đọc cho học sinh qua việc khai thác hiệu quả thư viện nhà trường; xây dựng tủ sách nhỏ, thân thiện ngay trong lớp học, thư viện lưu động, phát triển phong trào đọc sách của học sinh.

**3.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh:**

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học. Nhà trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: Đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập.

*\** **Đối với học sinh lớp 1, 2, 3**: Thực hiện theo Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Cần chú ý:

- Những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Những năng lực cốt lõi:

+ Những năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Những năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

*\** **Đối với học sinh lớp 4, 5***:* Tiếp tục đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Việc đánh giá học sinh phải đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, dân chủ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ chuyên môn thông qua dự giờ, thăm lớp để kiểm tra, giám sát việc đánh giá học sinh của giáo viên, kịp thời hỗ trợ, tư vấn cho giáo viên, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học, nâng cao năng lực đánh giá học sinh.

**Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường, thuận lợi cho giáo viên trong việc sử dụng và theo dõi quá trình học tập của học sinh; bảo mật và lưu trữ an toàn dữ liệu.**

**3.4. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật**

Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

- Tham mưu, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với giáo viên giảng dạy lớp có học sinh khuyết tật học hòa nhập.

**4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm**

Tăng cường tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kĩ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, kĩ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp; thực hiện tốt giáo dục thực hành tâm lí học đường cho học sinh tiểu học, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và làm quen với một số nghề truyền thống ở địa phương.

Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp…Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Học sinh có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống thường ngày, kỹ năng giao tiếp xã hội và các hành vi ứng xử cơ bản ban đầu. Giúp học sinh có được sự an toàn mọi lúc mọi nơi, có tính tự lực, tự tin, giàu sức sáng tạo và khỏe mạnh.

**V. Giải pháp thực hiện**

**1**. **Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

Kiểm tra, rà soát thực trạng TBDH hiện có để lập kế hoạch chi tiết sửa chữa, thay thế, nâng cấp, mua sắm bổ sung những TBDH cần thiết và đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học theo chương trình hiện hành, đồng thời chuẩn bị cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Việc mua sắm mới phải được đặt trên cơ sở khai thác sử dụng hết công suất của những thiết bị đã được trang bị, phù hợp với điều kiện kinh phí và chuẩn bị đủ nhân viên thiết bị, thí nghiệm, khai thác sử dụng thiết bị.

- Đối với TBDH tối thiểu có trong danh mục đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Kiểm tra, rà soát thực trạng TBDH hiện có; căn cứ quy mô trường/lớp, số lượng học sinh để xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung TBDH bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí;

- Đối với những máy móc, TBDH không nằm trong danh mục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao chất lượng dạy và học, đổi mới phương pháp dạy và học, nhiệm vụ đặc thù, cần căn cứ vào điều kiện CSVC, quy mô trường/lớp, số lượng học sinh, nguồn kinh phí và khả năng khai thác sử dụng máy móc, thiết bị để xác định số lượng, chủng loại để đầu tư mua sắm;

- Chỉ đạo, tổ chức phong trào tự làm TBDH để bổ sung, cải tiến, sửa chữa nhằm phát huy hiệu quả sử dụng TBDH đã được trang bị, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục;

**Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo:**

- Chỉ đạo rà soát, thống kê số lượng học sinh hiện có, đặc biệt chú trọng học sinh đầu cấp để xác định nhu cầu về sách giáo khoa và có phương án cung ứng đủ, kịp thời cho học sinh trước năm học mới;

- Lập kế hoạch cung cấp sách giáo khoa cho các đối tượng ưu tiên bảo đảm đúng chế độ và kịp thời phục vụ năm học;

- Chỉ đạo bộ phận thư viện rà soát sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trong thư viện để có kế hoạch mua sắm bổ sung và duy trì hoạt động thường xuyên của thư viện bảo đảm phục vụ tốt việc dạy và học trong nhà trường.;

**Bảo quản và khai thác sử dụng thiết bị**

- Bố trí sắp xếp nhân sự làm nhân viên thiết bị, tạo điều kiện để nhân viên thiết bị, được đào tạo đúng chuyên ngành và tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ;

- Tổ chức khai thác sử dụng và bảo quản TBDH đã được đầu tư phục vụ cho công tác dạy và học bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.

**Thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học**

Tham mưu với UBND cấp huyện, xã xây dựng thêm các nhà hiệu bộ, chức năng, phòng học văn hóa cho trường để đảm bảo thực hiện Chương trình phổ thông 2018

**2. Thực hiện công tác đội ngũ**

- Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học:

 - Tham mưu UBND huyện bổ sung biên chế theo quy định tại TT 16/2017/TT-BGDĐT

 - Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

- Thực hiện phân công lao động theo đúng quy định, phù hợp với quy định về chế độ lao động, giờ dạy, chế độ kiêm nhiệm….

- Phân công GVCN lập được kế hoạch giáo dục và kế hoạch trải nghiệm phù hợp với lớp chủ nhiệm.

- Phân công giáo viên dạy bộ môn đảm bảo đáp ứng yêu cầu dạy chương trình phổ thông mới 2018.

- Phân công giáo viên có kinh nghiệm và năng lực thực hiện dạy lớp 1 trong năm học đầu tiên thực hiện chương trình phổ thông 2018.

- Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018

- Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của đội ngũ để lập kế hoạch theo từng giai đoạn phù hợp.

- Phân công giáo viên cốt cán hỗ trợ, kèm cặp hướng dẫn tại chỗ cho GV yếu hơn.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng riêng của trường phù hợp với thời gian, tài chính của nhà trường.

- Kiểm tra đánh giá hoạt động bồi dưỡng đảm bảo chính xác công bằng.

- Thực hiện hỗ trợ GV sau hoạt động bồi dưỡng để phát huy hiệu quả của công tác bồi dưỡng.

 - Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ.

- Xây dựng hoàn thiện quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng đội ngũ GV, NV, CBQL.

- Xây dựng thực hiện nghiêm túc quy chế đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.

- Sử dụng kết quả đánh giá để thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ GV, NV, CBQL.

- Hỗ trợ tư vấn kịp thời sau đánh giá như: cử GV cốt cán, có năng lực hơn kèm cặp, hỗ trợ, giúp đỡ giáo viên; dự giờ thường xuyên giáo viên; tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng để phát triển năng lực thường xuyên.

1. **Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn**

- Xây dựng sinh hoạt chuyên môn theo Công văn1315 ngày 16/4/2020 của Bộ giáo

dục và đào tạo góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học.

- Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018

 - Bổ sung hoàn thiện quy chế chuyên môn của nhà trường, của tổ chuyên môn để thực hiện chương trình phổ thông 2018.

 - Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn để đồng hành, hỗ trợ thường xuyên giáo viên thực hiện CTPT 2018.

 - Xây dựng nội dung SHCM theo nghiên cứu bài học phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển CM của nhà trường.

**VI. Tổ chức thực hiện**

**1. Đối với Hiệu trưởng**

 - Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

 - Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung rang thiết bị dạy học.

 - Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

 - Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

 - Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

 - Chỉ đạo trực tiếp khối 1 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

**2. Đối với Phó Hiệu trưởng**

 - Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/ tuần (đối với học sinh khối 1, 2, 3) 6,7 buổi/tuần (đối với học sinh khối 4, 5). Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm, học sinh khuyết tật và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

 - Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học lớp 1, lớp 2; lớp 3, đổi mới PPDH

 - Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

**3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn**

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình lớp 1, lớp 2, lớp 3.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

- Tổng hợp báo các chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

**4. Đối với giáo viên chủ nhiệm**

 - Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc mội quy chế chuyên môn.

 - Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Tích cực tự trau rồi chuyên môn, nghiệp vụ.

 - Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

 - Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tố chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

**5. Đối với Tổng phụ trách Đội**

 - Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian ( bắt đầu- kết thúc).

- Thành lập các ban của liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

 - Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

**6. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị**

 - Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

 - Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

**7. Đối với giáo viên phụ trách môn học**

- Thực hiện nghiêm túc mội quy chế chuyên môn.

 - Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Cùng với Gv chủ nhiệm làm tốt công tác rèn luyện học sinh

**8. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.

 - Kiểm tra sư phạm nhà giáo kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Thực hiện xuyên suốt trong cả năm học; đánh giá xếp loại vào cuối tháng 5 năm 2023.

- Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch tháng

- Kiểm tra các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Theo kế hoạch tháng.

**9. Chế độ báo cáo**

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;

- Sơ kết từng học kỳ;

 - Tổng kết chuyên môn;

 - Báo các theo yêu cầu của ngành.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2022 – 2023 của Trường Tiểu học Kpă Klơng. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị Viên chức và người lao động đầu năm học. Yêu cầu tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** *- Phòng GD&ĐT (để BC)* *- Chi bộ (chỉ đạo);* *- Ban đại diện CMHS (phối hợp);;* *- Công đoàn trường;* *- Tổ trưởng chuyên môn; GV (t/h)* *- Lưu: hồ sơ, VT* |  **HIỆU TRƯỞNG** **Lương Thị Hiền** |